

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-09-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Loan Em

Ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 20 tháng 09 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 06 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 07 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1989 (vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 11-09-2021).

Địa chỉ: Ấp X, xã Tắc V, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Danh M, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Trương H, xã Thạnh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 17-06-2021 cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày:

Chị và anh M cưới nhau, sau đó đến ngày 05-09-2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tắc V, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng ly đến nay đã 08 năm, không còn quan tâm nhau. Do hôn nhân không hạnh phúc, nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M. Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Danh Vũ T, sinh ngày 15-09-2009, hiện sống với chị H, chị

xin nuôi, không yêu cầu anh M cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Danh M có lời khai ngày 12-07-2021 và tại tòa trình bày như sau.

Anh và chị H cưới nhau nhưng đến ngày 05-09-2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tắc V, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Có 01 người con tên Danh Vũ T, sinh ngày 15-09-2009, hiện sống với chị H, anh đồng ý giao con cho chị H nuôi, anh không cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị H yêu cầu ly hôn với anh Danh M. Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Trịnh Thị H được triệu tập hợp lệ nhưng chị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn thể hiện ngày 05-09-2009 anh Danh M và chị Trịnh Thị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tắc V, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau, trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của các đương sự thể hiện, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng ý kiến, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Chị H khởi kiện xin ly hôn và anh M có lời khai đồng ý ly hôn với chị H. Do đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và các đương sự tự nguyện ly hôn với nhau, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị H và anh M được ly hôn.

[4] Về con chung, căn cứ giấy khai sinh của Ủy ban nhân dân xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, lời trình bày của chị H và anh M, vợ chồng có 01 con chung tên T hiện đang sống với chị H. Chị H và anh M đều đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu T đang sống cùng chị H đồng thời anh M cũng tự nguyện giao con cho chị H nuôi, nên Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị H là người yêu cầu xin ly hôn nên chị phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Danh M.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho chị Trịnh Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Danh Vũ T, sinh ngày 15-09-2009 đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Danh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008424 ngày 23-06-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, chị H nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Trịnh Thị H vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- Chi Cục THADS huyện Thạnh T;
- UBND xã Thạnh T;
- UBND xã Tắc V, TP Cà M;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Nam

